

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU
TU
Số: 02/BKH-DN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 1 năm 1996

THÔNG TƯ
CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Hướng dẫn thực hiện nghị định
về thủ tục đầu tư trực tiếp tại Việt Nam định cư
ở nước ngoài và của người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam

Căn cứ Luật khuyến khích đầu tư trong nước ngày 22/6/1994.

Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 12/5/1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước.

Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 1/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư trực tiếp của người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam như sau:

Điều 1. Đầu tư trực tiếp theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam trong Thông tư này bao gồm:

- Thành lập mới doanh nghiệp tư nhân (theo Luật doanh nghiệp tư nhân); công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần (theo Luật công ty) - sau đây gọi chung là doanh nghiệp.
- Mở rộng quy mô nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp đã được thành lập hợp pháp theo Luật doanh nghiệp tư nhân và Luật công ty.
- Mua cổ phần góp vốn vào các doanh nghiệp kể cả doanh nghiệp Nhà nước được phép đa dạng hoá hình thức sở hữu trừ những trường hợp có quy định riêng.
- Khi trực tiếp đầu tư những ngành nghề thuộc Điều 5 của Luật doanh nghiệp tư nhân hoặc Điều 11 của Luật công ty phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép. Đối với ngành nghề phải

có giấy phép hành nghề cần thực hiện theo đúng quy định của các Bộ quản lý ngành kinh tế kỹ thuật liên quan đã ban hành.

Điều 2. Hồ sơ xin thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh gồm:

1. Đơn xin thành lập doanh nghiệp.
2. Đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu do nước ngoài cấp phải có giấy xác nhận nguồn gốc người Việt Nam của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự Việt Nam tại nước đó, hoặc xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của nước mà người gốc Việt Nam định cư.
3. Tờ khai của người xin thành lập doanh nghiệp về việc họ không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài mà chưa được xóa án hoặc còn ở trong thời gian bị cấm quyền kinh doanh theo bản án của toà án nước ngoài. Tờ khai phải có xác nhận của cơ quan ngoại giao hoặc lãnh sự Việt Nam tại nước mà người Việt Nam định cư, hoặc xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của nước mà người gốc Việt Nam định cư.
4. Đối với người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam phải có "Giấy chứng nhận thường trú" theo qui định tại Điều 11 Pháp lệnh nhập cảnh, cư trú, đi lại của người nước ngoài tại Việt Nam và nếu đã cư trú trên một năm phải có thêm giấy xác nhận của công an phường, xã nơi cư trú về việc họ không thuộc diện quy định tại Điều 6, Điều 7 Luật doanh nghiệp tư nhân; Điều 6, Điều 7 Luật công ty.
5. Nếu người xin phép thành lập doanh nghiệp hiện đang là Trưởng văn phòng đại diện, Trưởng chi nhánh của công ty nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam thì phải có ý kiến bằng văn bản của công ty nước ngoài có đặt văn phòng đại diện chi nhánh ở Việt Nam chấp nhận.
6. Giấy xác nhận về vốn đầu tư tại Việt Nam:
Nếu vốn bằng tiền mặt phải có xác nhận của Ngân hàng nơi dự định đặt trụ sở doanh nghiệp về số dư tiền gửi tại tài khoản của người xin thành lập doanh nghiệp.
Nếu vốn bằng hiện vật hoặc bản quyền sở hữu công nghiệp phải có xác nhận của cơ quan công chứng về trị giá tài sản đó (nếu để thành lập doanh nghiệp tư nhân), hoặc biên bản định giá tài sản của các sáng lập viên thành lập công ty (nếu để thành lập công ty).